

Số: /KH-UBND

Đức Cơ, ngày tháng năm 2023

**KẾ HOẠCH
LẬP QUY HOẠCH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN
HUYỆN ĐỨC CƠ GIAI ĐOẠN 2023-2025**

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Chương trình hành động số 52-CTr/TU, ngày 18/01/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ đến năm 2035; Quy hoạch chung xây dựng các xã đến năm 2030;

Công văn số 603/SXD-QLN ngày 27/3/2023 của Sở Xây dựng về việc xây dựng Kế hoạch và lộ trình thực hiện cụ thể việc triển khai Nghị quyết 33/NQ-CP của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững;

Kế hoạch số 111-KH/HU ngày 03/4/2023 của Huyện Ủy về Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 52-CTr/TU, ngày 18/01/2023 của Tỉnh Ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ ban hành Kế hoạch lập quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện giai đoạn 2023 – 2025, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ đến năm 2035 và các Quy hoạch chung xây dựng các xã đến năm 2030.

- Tổ chức triển khai các Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng trong các đồ án quy hoạch chung xây dựng trên địa bàn các xã đã được phê duyệt.

- Phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan liên quan, UBND các xã và thị trấn, đồng thời chủ động triển khai thực hiện đúng kế hoạch đề ra theo lĩnh vực quản lý.

- Đưa ra các cơ chế, chính sách nhằm thực hiện quy hoạch được khả thi, kịp thời, đúng tiến độ và theo trình tự ưu tiên.

2. Yêu cầu:

- Các đồ án quy hoạch cần được tiến hành khẩn trương, đảm bảo chất lượng, đồng bộ, có sự phối hợp giữa các cơ quan, các địa phương và các đơn vị tư vấn có liên quan, đáp ứng tiến độ kế hoạch.

- Kế hoạch phải đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, phù hợp thực tiễn đầu tư xây dựng, quản lý và phát triển; làm cơ sở để giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất, tạo động lực phát triển cho các địa phương nói riêng, huyện Đức Cơ nói chung và góp phần tạo sự đột phá, chuyển biến trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, quản lý đô thị, quản lý quy hoạch trên toàn huyện.

- Kiểm tra, giám sát có hiệu quả đối với các đồ án quy hoạch trong triển khai xây dựng và quản lý quy hoạch xây dựng.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI:

1. Nội dung kế hoạch:

Triển khai thực hiện lập quy hoạch xây dựng gồm **125 đồ án**, trên địa bàn 09 xã và thị trấn Chư Ty, trong giai đoạn từ năm 2023 đến năm 2025.

2. Kinh phí thực hiện: Dự kiến kinh phí thực hiện khoảng: **102,2 tỷ đồng**

(Chi tiết theo các phụ lục đính kèm)

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Về nguồn vốn:

- Nguồn vốn ngân sách:

+ Lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các xã sử dụng nguồn vốn sự nghiệp chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã phân bổ.

+ UBND huyện ưu tiên bố trí kinh phí cho công tác lập quy hoạch xây dựng bằng ngân sách huyện (đối với các đồ án do huyện thực hiện).

+ UBND cấp xã bố trí kinh phí cho công tác lập quy hoạch xây dựng bằng ngân sách cấp xã (Các đồ án do xã thực hiện).

- Nguồn vốn khác: UBND tỉnh cho áp dụng cơ chế huy động vốn và năng lực tổ chức lập quy hoạch đối với các tổ chức kinh tế trong việc lập quy hoạch xây dựng thực hiện theo Khoản 2, Điều 2, Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng về việc “*Khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng vốn khác (không thuộc vốn ngân sách nhà nước) để thực hiện quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị vận dụng các quy định tại Thông tư này để xác định và quản lý chi phí*”. Các tổ chức kinh tế tham gia tổ chức lập quy hoạch sẽ được xem xét ưu tiên trong giai đoạn triển khai tiếp theo trên cơ sở tuân thủ theo Quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Về nguồn nhân lực:

- Đối với Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện: Chủ động phân công công chức hoặc kiến nghị tăng cường công chức có trình độ chuyên môn đáp ứng được việc

tham mưu cho UBND huyện tổ chức lập, thẩm định, trình phê duyệt các quy hoạch thuộc thẩm quyền, công chức quy hoạch phải có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực ngành đào tạo: Kiến trúc, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Đối với UBND các xã, thị trấn: Tăng cường công tác tổ chức, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức sao cho khoa học, hợp lý, kết hợp đẩy nhanh công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực được giao; báo cáo UBND huyện để có kế hoạch thực hiện, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhằm nâng cao trình độ năng lực trong công tác quản lý về quy hoạch, kiến trúc.

- Thực hiện cải cách hành chính tiến tới giảm thiểu thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết từ khâu chuẩn bị đầu tư dự án, thiết kế đến thẩm định, phê duyệt, giải phóng mặt bằng và xây dựng. Xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng cá nhân, trong xây dựng, phát triển và quản lý quy hoạch.

3. Về khoa học công nghệ:

- Huy động các nguồn lực để đầu tư cho lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý quy hoạch.

- Huy động tiềm năng trí tuệ, phát huy vai trò của các chuyên gia, nhà khoa học, các công dân có kinh nghiệm trong công tác tư vấn quy hoạch xây dựng, đảm bảo chất lượng và tiến độ đồ án.

4. Về cơ chế, chính sách:

Xây dựng cơ chế, chính sách quản lý và khai thác nguồn lực đất đai, kế hoạch sử dụng đất phù hợp với các chương trình phát triển của huyện và các xã, thị trấn.

5. Về công tác phối hợp:

- Tăng cường trao đổi, phối hợp giữa các cơ quan liên quan để kịp thời tháo gỡ các vướng mắc trong công tác triển khai các quy hoạch và các công việc liên quan đến việc lập quy hoạch xây dựng và đầu tư xây dựng.

- Thông qua Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng do UBND huyện thành lập để thẩm định các đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND huyện. Trong đó cần lấy ý kiến các Sở, Ngành chức năng của tỉnh trong quá trình lập, thẩm định và trình phê duyệt quy hoạch, đảm bảo cập nhật đầy đủ thông tin, tiết kiệm thời gian, tránh sai sót, chỉnh sửa hay điều chỉnh sau khi quy hoạch được phê duyệt.

- Tăng cường làm việc trực tiếp, trao đổi thực hiện giữa các cơ quan liên quan kế hoạch, nhằm tháo gỡ kịp thời các vướng mắc trong quá trình thực hiện các công việc được giao, đảm bảo sự đồng bộ trong công tác quản lý.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng: Căn cứ vào nội dung Mục II của Kế hoạch này, có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đối với các đồ án thuộc cấp huyện thực hiện; làm đầu mối, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai lập quy

hoạch đối với các Chủ đầu tư được giao lập quy hoạch trên địa bàn huyện; kịp thời trình thẩm định, phê duyệt đúng quy định. Ngoài kế hoạch này, theo tình hình thực tế, hằng năm phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì, phối hợp với các bên liên quan rà soát, đề xuất tham mưu bổ sung quy hoạch chi tiết phù hợp tình hình phát triển kinh tế, nhu cầu đầu tư và yêu cầu quản lý.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng thẩm định các bản đồ nền địa hình phục vụ lập quy hoạch. Rà soát hiện trạng theo bản đồ địa chính khu đất có nhu cầu lập quy hoạch, tham mưu UBND huyện lập hồ sơ thanh lý cây cao su của các Công ty và tiếp nhận các quỹ đất đã được UBND tỉnh thu hồi cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để lập quy hoạch; tham gia ý kiến về các nội dung thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị đối với hồ sơ các đồ án quy hoạch xây dựng.

3. Phòng Tài chính – Kế hoạch: Tham mưu bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch lập quy hoạch xây dựng đối với các đồ án sử dụng vốn ngân sách huyện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn vốn được giao, đảm bảo đúng mục đích và hiệu quả.

4. UBND các xã, thị trấn và các tổ chức tham gia lập quy hoạch:

- Căn cứ vào nội dung Kế hoạch có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo quy hoạch được lập có chất lượng, đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

- Định kỳ ngày 15/6 và ngày 15/12 hằng năm các đơn vị, UBND các xã báo cáo về UBND huyện (qua phòng Kinh tế và Hạ tầng) về tiến độ thực, kết quả thực hiện.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã và thị trấn Chư Ty nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Phòng Kinh tế và Hạ tầng chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch, đề xuất chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc, định kỳ vào ngày 20/6 và ngày 20/12, hoặc báo cáo đột xuất khi yêu cầu. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phải kịp thời báo cáo UBND huyện xem xét để giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện; VP;
- Phòng KTHT, TNMT; Tài chính-Kế hoạch;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã và TT Chư Ty;
- Công ty TNHH MTV 72, 74;
- Chi nhánh Công ty 75;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT –VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Mạnh Định

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH LẬP QUY HOẠCH XÂY DỰNG MỚI VÀ ĐIỀU CHỈNH
GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỨC CƠ (ƯU TIÊN VỐN THEO KẾ HOẠCH)
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND, ngày / /2023 của UBND huyện Đức Cơ)

STT	Nội dung lập quy hoạch	Địa điểm	Quy mô (ha)	Dự kiến thời gian và kinh phí lập quy hoạch (đồng)			Nguồn vốn	Ghi chú
				2023	2024	2025		
A	Quy hoạch chi tiết xây dựng lập mới và điều chỉnh cấp huyện		72.485,06	7.413.940.000	7.379.100.000	4.762.380.000		
1	Quy hoạch vùng huyện	Huyện Đức Cơ	72.186,10	2.114.000.000			Ngân sách	Thực hiện 2023-2024
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư TDP 6 (giáp khu dân cư hiện trạng đường Quang Trung, đối diện NHCT)	TT Chư Ty	8,7	756.900.000			nt	Đang thực hiện
3	Điều chỉnh quy hoạch chợ Đức Cơ	TT Chư Ty	1,6	97.440.000			nt	
4	Tổ dân phố 4 (từ TTCT đến đường bê tông)	TT Chư Ty	4,6	400.200.000			nt	
5	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết nghĩa địa chung của huyện	Xã Ia Kriêng	10	245.000.000			nt	
6	Khu dân cư làng Trol Deng	TT Chư Ty	93	2.538.900.000			nt	
7	Khu dân cư đường Hoàng Văn Thụ	TT Chư Ty	2	174.000.000			nt	
8	Khu dân cư đường Phạm Văn Đồng (Phía sau Hon đa Kiên)	TT Chư Ty	2	174.000.000			nt	

9	Khu dân cư đường Phạm Văn Đồng (Phía trước nhà máy cán tôn Quốc Hải)	TT Chư Ty	2	174.000.000			nt	
10	Khu dân cư đường liên xã (đoạn từ đường Chu Văn An nối dài đến đường Tăng Bạt Hổ)	TT Chư Ty	9,5		826.500.000		nt	
11	Khu dân cư TDP 7 (đường liên xã, phía sau khu dân cư TDP 7 đã quy hoạch)	TT Chư Ty	16			1.392.000.000	nt	
12	Khu dân cư TDP 7 (Phía sau trường MN 18/4, đến trạm điện)	TT Chư Ty	8,6		748.200.000		nt	
13	Khu dân cư TDP 6 (Phía Tây trường nội trú)	TT Chư Ty	8,5	739.500.000			nt	
14	Khu dân cư TDP 4 (Phía sau TT Y tế huyện)	TT Chư Ty	19		1.653.000.000		nt	
15	Khu dân cư TDP 1 (đường liên xã, giáp sân bóng)	TT Chư Ty	13			1.131.000.000	nt	
16	Hoa viên cây xanh TDP 7(Phía Tây đường Liên xã)	TT Chư Ty	15			1.305.000.000	nt	
17	Tổ dân phố 5 cũ (đất ở kết hợp TM-DV, hoa viên cây xanh - mặt nước...)	TT Chư Ty	19,7		1.713.900.000		nt	
18	Điều chỉnh QH chi tiết công viên văn hóa huyện	TT Chư Ty	8,4			511.560.000	nt	
19	Quy hoạch cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	Ia Kriêng	30		2.250.000.000		nt	
20	Quy hoạch dự án chăn nuôi heo tập trung, gia cầm công nghệ cao	Làng Krai	20				Xã hội hóa	
21	Khu Trung tâm TDTT huyện	TT Chư Ty	4,86			422.820.000	Ngân sách	
22	Khu Di sản cây đa làng Ghè	Ia Dok	1		75.000.000		nt	

23	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu du lịch sinh thái (Thác Ông Đồng)	Ia Pnôn-Ia Nan	1,5		112.500.000,00		nt	
B	Quy hoạch chi tiết xây dựng lập mới và điều chỉnh các xã		1.155,12	8.539.250.000	31.527.250.000	24.487.500.000		
I	Xã Ia Nan							
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Mút, xã Ia Nan	Thôn Ia Mút	2,77	207.750.000			Ngân sách	Đang triển khai
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư gần cầu Bà Trí	Thôn Ia Tum	2	150.000.000			nt	
3	Quy hoạch chi tiết nghĩa địa chung của xã	Thôn Ia Kle	5		375.000.000		nt	
4	Quy hoạch chi tiết nghĩa địa làng Sơn	Làng Sơn	1		75.000.000		nt	
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư đường vào làng Sơn, xã Ia Nan	Làng Sơn	7		525.000.000		nt	
6	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư làng Nút (bên trái Hội trường làng Nút), xã Ia Nan	Làng Nút	8,5		637.500.000		nt	
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư làng Tung (đoạn từ đội công tác địa bàn đến đầu làng Tung)	Làng Tung	5			375.000.000	nt	
8	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Đào (Đoạn từ Ngã ba QL14C đi cầu Bà trí)	Thôn Ia Đào	13			975.000.000	nt	
9	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Kle (Khu vực Ngã ba QL14C đi Đội 10, C.ty 72)	Thôn Ia Kle	10			750.000.000	nt	
10	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Đào (Đoạn từ ngã ba QL19 đi thôn Ia Đào)	Thôn Ia Đào	20		1.500.000.000		nt	
11	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Nhú (nằm trên đường liên thôn từ thôn Ia Nhú đi làng Sơn theo hướng Tây)	Thôn Ia Nhú	30			2.250.000.000	nt	
12	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Đức Hưng (Đoạn từ Ngã tư Chốt dân quân đi thôn Đức Hưng và đi thôn Ia Boong)	Thôn Đức Hưng	22			1.650.000.000	nt	
13	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Nhú (Đoạn QL14C đối diện Đội 7 Công ty 72)	Thôn Ia Nhú	8			600.000.000	nt	
14	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm cụm xã, xã Ia Nan	Xã Ia Nan	50		2.812.500.000		nt	
15	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	Ia Nan					CTMTQG	

				318.000.000				
II	Xã Ia Krêl						nt	
1	Quy hoạch xây dựng nghĩa địa chung của xã	Làng Ngo Rông	4,5	337.500.000			nt	
2	Quy hoạch xây dựng nghĩa địa Làng Krol	Làng Krol	1	75.000.000			nt	
3	Quy hoạch xây dựng nghĩa địa Làng Krêl	Làng Krêl	1	75.000.000			nt	
4	Quy hoạch xây dựng nghĩa địa Làng Ngo Rong	Làng Ngo Rong	1	75.000.000			nt	
5	Quy hoạch xây dựng nghĩa địa Làng Poong	Làng Poong	1			75.000.000	nt	
6	Quy hoạch chi tiết khu dân cư Làng Krêl	Làng Krêl	3	225.000.000			nt	
7	Quy hoạch chi tiết khu dân cư Làng Krol (giáp trường TH Anh Hùng Núp)	Làng Krol	3,5	262.500.000			nt	
8	Quy hoạch chi tiết khu dân cư thôn Ia Lâm Tók(Phía sau nhà thu Ngo, đến khu SXKDDT)	Làng Ngo Rông	3		225.000.000		nt	
9	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm cụm xã, xã Ia Krêl	Ia Krêl	58		3.262.500.000		nt	
10	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	Ia Krêl		335.000.000			CTMTQG	
III	Ia Kriêng							
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Kăm	Làng Pnuk	2,9	217.500.000			Ngân sách	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Kăm (đoạn dốc An Thù)	Làng Pnuk	3,6	270.000.000			nt	
3	Điểm dân cư làng Pnuk (Đường vào xã Ia Kriêng)	Làng Pnuk					nt	
4	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Lâm	Thôn Ia Lâm	10	562.500.000			nt	
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư các làng	Xã Ia Kriêng	15			525.000.000	nt	

6	Quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa chung của xã	Làng Lung Prông và Làng Hrang	5			375.000.000	nt	
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm cụm xã, xã Ia Kriêng	Ia Kriêng	30		1.687.500.000		nt	
8	Quy hoạch chung xây dựng xã	Ia Kriêng		267.000.000			CTMTQG	
IV	Ia Kla							
1	Quy hoạch chi tiết nghĩa địa chung của xã	Làng Sung Le	4		300.000.000		Ngân sách	
2	Quy hoạch chi tiết nghĩa địa thôn Ia Tang	Thôn Ia Tang	2			150.000.000	nt	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư Thôn Chư Bô 2 (Phía Đông đường vào trường bản)	Chư Bô 2	15		1.125.000.000		nt	
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư Thôn Chư Bô 2 (Phía Tây đường vào trường bản)	Chư Bô 2	12		900.000.000		nt	
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư làng Sung Kép (Phía sau Đội 7, Công ty 74)	Sung Kép	12			900.000.000	nt	
6	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư làng Sung Le Tung (giáp thị trấn)	Sung Le Tung	10			750.000.000	nt	
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Tang (đường liên huyện, giáp trường Mầm non Hoa Hồng)	Thôn Ia Tang	25			1.875.000.000	nt	
8	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Tang (đường liên huyện)	Thôn Ia Tang	10			750.000.000	nt	
9	Quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư các làng		15			1.125.000.000	nt	
10	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm Cụm xã		35		2.625.000.000		nt	
11	Quy hoạch chung xây dựng xã	Ia Kla		312.000.000			nt	

V	Ia Dom							
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư đội 20 và đội 21 thuộc thôn Cửa Khâu (Đường QL 14C đi huyện Ia Grai).	Thôn Cửa Khâu	6,5	487.500.000			Ngân sách	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư làng Bi (Dọc QL 14C, từ ngã 3 lâm trường đến đường vào mỏ đá Quang Đức)	Làng Bi	3,6			270.000.000	nt	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư làng Bi (Dọc QL 19, đường tuyến 2 từ ngã 3 lâm trường đến khu công nghiệp Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh)	Làng Bi	2,8			210.000.000	nt	
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thôn Ia Mút (cạnh nhà mủ đội 2, công ty 72-đường dốc đất đi vào đội 15).	Ia Mút	2		150.000.000		nt	
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa địa chung xã.	Ia Mút	2	150.000.000			nt	
6	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Làng Mook Trêl (trước đội 17, công ty 72 và mở đường đi qua đường Dốc đất chiều dài 1,1km).	Mook Trêl	2,6		195.000.000		nt	
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư làng Mook Đen 1 (giáp đường tuyến 4, phía tây giáp đường liên thôn).	Mook Đen 1	8			600.000.000	nt	
8	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Thôn Ia Mút (trước trường cấp 3 Nguyễn Trường Tộ).	Thôn Ia Mút	9,73		729.750.000		nt	
9	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm cụm xã, xã Ia Dom	Ia Dom	55		3.093.750.000		nt	
10	Điều chỉnh QHCXD xã	Ia Dom		326.000.000			CTMTQG	
VI	Xã Ia Dok							
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thôn Đoàn Kết (Giáp thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ).	Thôn Đoàn Kết	25	1.875.000.000			Ngân sách	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thôn làng Đo (Đường liên huyện giáp với khu dân cư thôn Đoàn Kết	Làng Đo	6	450.000.000			nt	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Thôn Ia Mang (Đường đi về hướng xã Ia Chia huyện Ia Grai)	Thôn Ia Mang	3			225.000.000	nt	
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư làng Sung (giáp với khu dân cư hiện trạng).	Làng Sung	4		300.000.000		nt	
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa địa làng Ghè và làng Đo.	Làng	1				nt	

		Ghè		75.000.000				
6	Quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa địa làng Sung.	Làng Sung	1		75.000.000		nt	
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa địa chung xã	Thôn Đoàn Kết	3		225.000.000		nt	
8	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư làng Ghè (giáp với xã Ia Krêl).	Làng Ghè	4		300.000.000		nt	
9	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Thôn Ia Mang (giáp với hội trường thôn).	Thôn Ia Mang	1,2		90.000.000		nt	
10	Quy hoạch chi tiết xây dựng bãi rác xã.	Làng Dơk Klăh	2			150.000.000	nt	
11	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm cụm xã Ia Dơk	Làng Dơk Ngol	50			2.812.500.000	nt	
12	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu chăn nuôi tập chung	Làng Dơk Ngol	5				Xã hội hóa	
13	Quy hoạch chi tiết xây dựng chợ trung tâm xã	Thôn Ia Mang	2,5			187.500.000	Ngân sách	
14	Điều chỉnh QHCXD xã			334.000.000			CTMTQG	
VII	Ia Pnôn							
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xã	Ia Pnôn					CTMTQG	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư làng Chan (Giáp thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ).	Làng Chan	19,2	-			Ngân sách	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thôn Chư Bô 1 (Đường quốc lộ 19).	Thôn Chư Bô 1	19	-			nt	
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư làng Triêl (Đường đi qua xã Ia Nan)	Làng Triêl	12	-			nt	
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thôn Chư Bô 1 (Phía đông khu di tích thôn Chư Bô 1).	Thôn Chư Bô 1	16		-		nt	

6	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư làng Chan (Vị trí cổng chào xã Ia Pnôn).	Làng Chan	31		-		nt	
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa địa chung xã	Làng Ba	5		-		nt	
8	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thôn Chư Bô 1 (Phía sau khu dân cư hiện trạng).	Thôn Chư Bô 1	11,3		-		nt	
9	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư làng Chan (C19 đi Ia Nan)	Làng Chan	15,7			-	nt	
10	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư làng Chan (Giáp khu tái định cư)	Làng Chan	14			-	nt	
11	Quy hoạch chi tiết xây dựng bãi rác	Làng Chan	1			-	nt	
12	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm cụm xã, xã Ia Pnôn	Làng Bua, Làng Ba	44,7			-	nt	
13	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư làng Bua (đi hướng dốc làng Cùi)	Làng Bua	13			-	nt	
VIII	Xã Ia Din							
1	Nghĩa địa chung của xã	Xã Ia Din	5	375.000.000			Ngân sách	
2	Điểm dân cư thôn Đồng Tâm 1 (đối diện khu đã quy hoạch)	Đồng Tâm 1	3		225.000.000		nt	
3	Điểm dân cư thôn Thống Nhất (phía sau trường Tôn Đức Thắng)	Thống Nhất	30			2.250.000.000	nt	
4	Điểm dân cư thôn Thống Nhất (Đối diện QH điểm dân cư thôn Đồng Tâm 2)	Thống Nhất	7		525.000.000		nt	
5	Điểm dân cư thôn Quyết Thắng (đối diện quy hoạch điểm dân cư thôn Quyết Thắng)	Quyết Thắng	5			375.000.000	nt	
6	Điều chỉnh điểm dân cư thôn Quyết Thắng	Quyết Thắng	3		225.000.000		nt	
7	Điều chỉnh điểm dân cư làng Yít Tú (Giáp sân bóng)	Làng Yít Tú	3			225.000.000	nt	
8	Điểm dân cư ngã Ba làng Neh đi Ia Krêl	Làng Nêh	21			1.575.000.000	nt	
9	Điểm dân cư làng Nêh (Đoạn từ cầu C6 -cầu C4)	Làng	8				nt	

		Nêh			600.000.000			
10	Điểm dân cư làng Nêh (Đoạn từ cầu C4 đến nhà SHCD)	Làng Nêh	7			525.000.000	nt	
11	Điểm dân cư làng Nêh (Hai bên đường nội thôn)	Xã Ia Din	3,00			105.000.000	nt	
12	Điểm dân cư làng Al, Gôn	Xã Ia Din	5,00		175.000.000		nt	
13	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm cụm xã, xã Ia Din	Xã Ia Din	75,00		4.218.750.000		nt	
14	Điều chỉnh quy hoạch chung xã			300.000.000			nt	
IX	Xã Ia Lang						nt	
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư làng Phang	Làng Phang	9,7			727.500.000	Ngân sách	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư làng Le 1 (phía sau Trụ sở xã)	Làng Phang	12		900.000.000		nt	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư các làng	Các làng	15			1.125.000.000	nt	
4	Nghĩa địa chung của xã	Làng Le 2	4	300.000.000			nt	
5	Quy hoạch đất nghĩa địa (nhà mồ) làng Phang	Làng Phang	1		75.000.000		nt	
6	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm cụm xã, xã Ia Lang	Ia Lang	60		3.375.000.000		nt	
7	Điều chỉnh QHCXD xã	Ia Lang		177.000.000			CTMTQG	
Tổng cộng (A+B): 97.475.000 đồng				15.953.190.000	38.906.350.000	29.249.880.000		